



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUY VĂN VÀ BIỂN ĐỒI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG III/2018



HÀ NỘI, THÁNG IV/2018

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.37733372; 024.37733090-407

Fax: 024.38358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG III/2018	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	8
8. Vùng Tây Nguyên	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
III. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2018	12
1. Đối với cây lúa	14
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	15
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IV-VI NĂM 2018.....	19
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	19
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	20

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG III/2018

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng III/2018 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,7⁰C đến 2,7⁰C) (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -36mm đến -144mm. (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -75 giờ đến 76 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -13% đến 8%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng III/2018 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

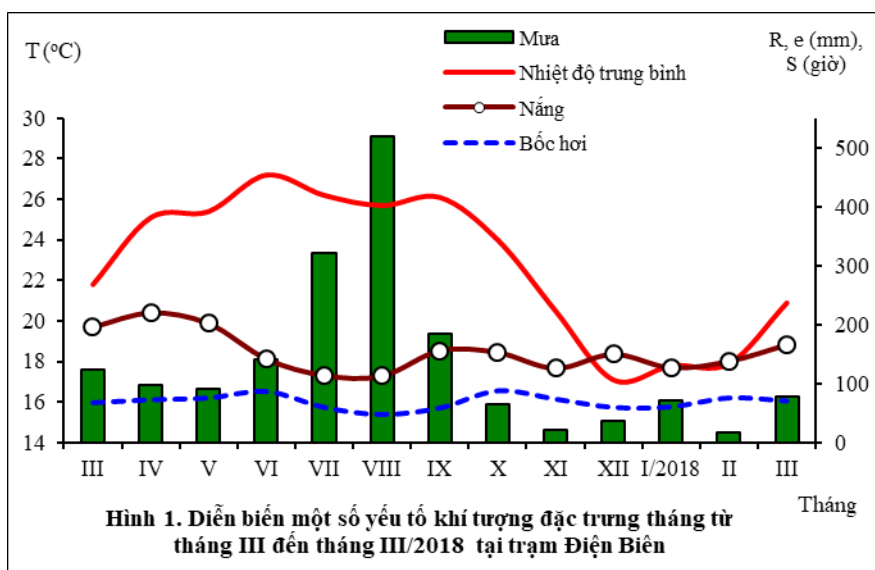
1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -0,7 đến 2,3⁰C; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ 14,7⁰C đến 23,0⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ 11,6⁰C đến 19,7⁰C, giá trị thấp nhất là 6,6⁰C xảy ra vào ngày 10/III tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 19,5⁰C đến 29,4⁰C, giá trị cao nhất là 38,0⁰C xảy ra vào ngày 5/III tại Yên Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng III đến tháng III/2018 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2018 tại trạm Điện Biên

- Tổng lượng mưa tháng III/2018 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ 15mm đến 154mm, lượng mưa ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -27mm đến 109mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 9mm đến 38mm, cao nhất là 42mm xảy ra vào ngày 18/III tại Quỳnh Nhai.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 đến 13 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 11 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 75 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng III đến tháng III/2018 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng III/2018 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -75 giờ đến 60 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 100 giờ đến 179 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2018 dao động từ 69% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -13% đến 8%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 21% xảy ra vào ngày 4/III tại Tuần Giáo và Cò Nồi.

- Tổng lượng bốc hơi tháng III/2018 có giá trị phổ biến từ 53mm đến 133mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-89mm đến 94mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 3 - 10mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 3 ngày trong đó có từ 1 -2 ngày với cường độ mạnh

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 14 ngày

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng III/2018 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,5⁰C đến 2,4⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 14,6⁰C đến 22,9⁰C

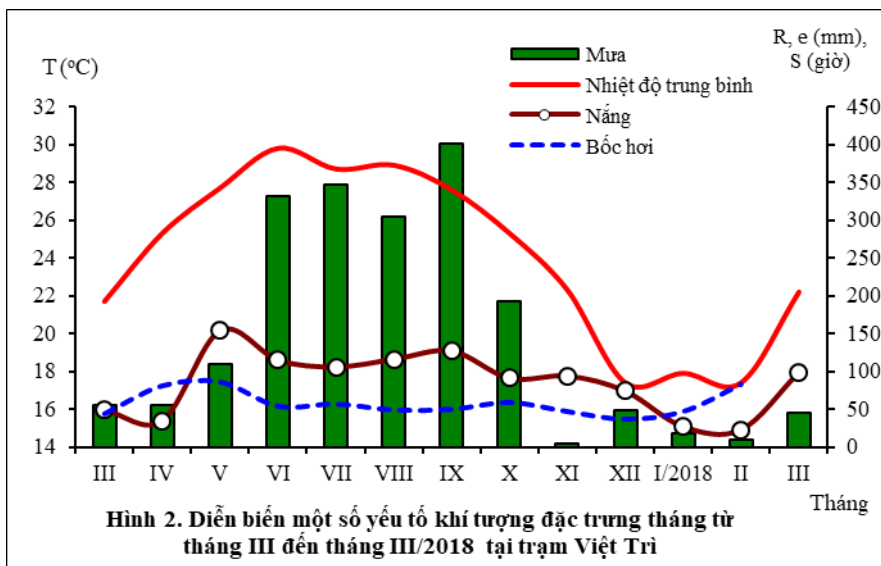
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 12,2⁰C đến 20,5⁰C, nhiệt

độ không khí thấp nhất là $7,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 10/III tại SaPa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $18,5^{\circ}\text{C}$ đến $26,8^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí cao nhất là $35,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 4/III tại Nghĩa Lộ.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 37mm đến 128mm; cao nhất là 152mm tại Bắc Quang, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh TBNN từ -36mm đến 69mm. Diễn biến



của tổng lượng mưa tháng từ tháng III đến tháng III/2018 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 15mm đến 88mm. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 1 - 19 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 9 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng III/2018 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 66 giờ đến 165 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-48 giờ đến 54 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2018 phổ biến từ 78 đến 87%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-7% đến 7%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 20%, xảy ra vào ngày 5/III tại Mù Căng Chải.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 42mm đến 923mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-104mm đến 52mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 7mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số nơi từ 1 đến 10 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

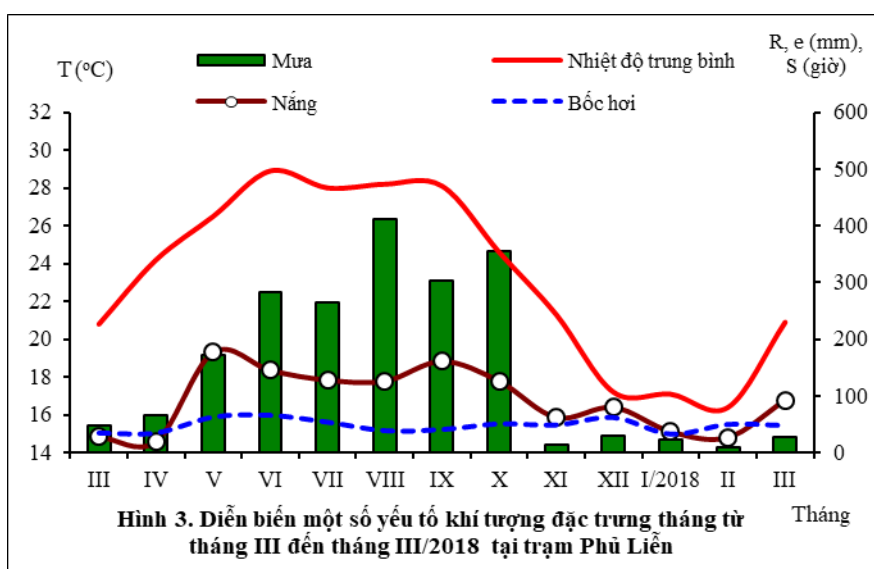
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,1°C đến 2,4°C; có giá trị dao động từ 18,9°C đến 22,3°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,3°C đến 27,5°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 34,3°C xảy ra vào các ngày 4/III tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,0°C đến 19,9°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 6,2°C xảy ra vào ngày 10/III tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng III/2018 dao động phổ biến từ 11mm đến 90mm, cao nhất là 117mm tại Thất Khê, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-33mm đến 68mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2018 tại trạm Phù Liên

động phổ biến từ 8 đến 64mm, cao nhất là 92mm xảy ra ngày 28/III tại Bảo Lạc.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 - 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 13 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng III/2018 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (29 giờ đến 76 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 86 giờ đến 138 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2018 ở các nơi dao động phổ biến từ 78 đến 89%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -7%

đến 4%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 10% xảy ra vào ngày 9/III tại Móng Cái.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 44mm đến 85mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa -58mm đến 74mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 7mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 4 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 20,5⁰C đến 22,8⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 1,5⁰C đến 2,7⁰C) (hình 10);

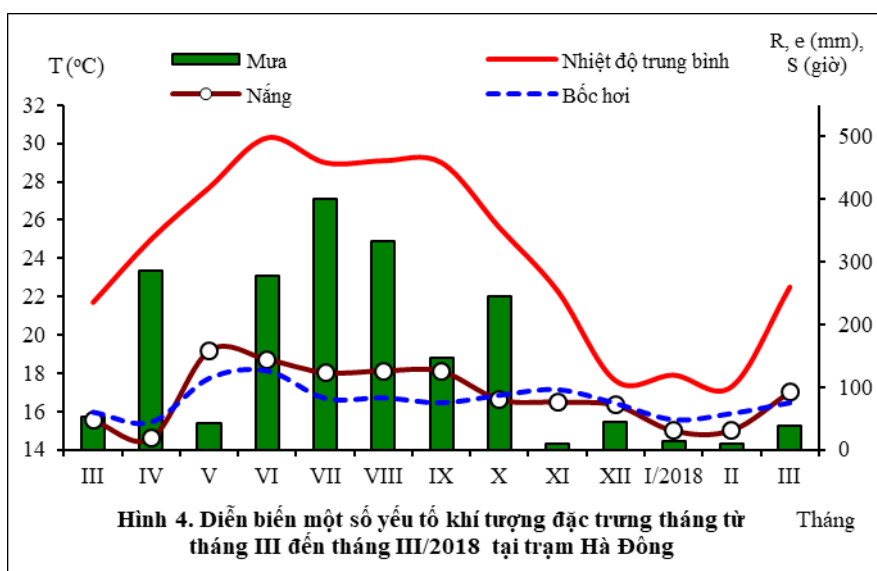
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 22,4⁰C đến 26,5⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,0⁰C xảy ra vào ngày 4/III tại Nho Quan;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 19,1⁰C đến 20,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 12,8⁰C xảy ra vào ngày 10/III tại Nho Quan. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -25mm đến -10mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 23mm đến 53mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 10 đến 27mm, số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 đến 12 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày; số



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2018 tại trạm Hà Đông

ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 12 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2018 ở các nơi trong vùng dao động từ 78 giờ đến 114 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 30 giờ đến 59 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 78% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-9% đến -2%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 33% xảy ra vào ngày 9/III tại Hà Đông và Sơn Tây.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 39mm đến 83mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng từ 10mm đến 57mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 10 ngày.
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 3 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

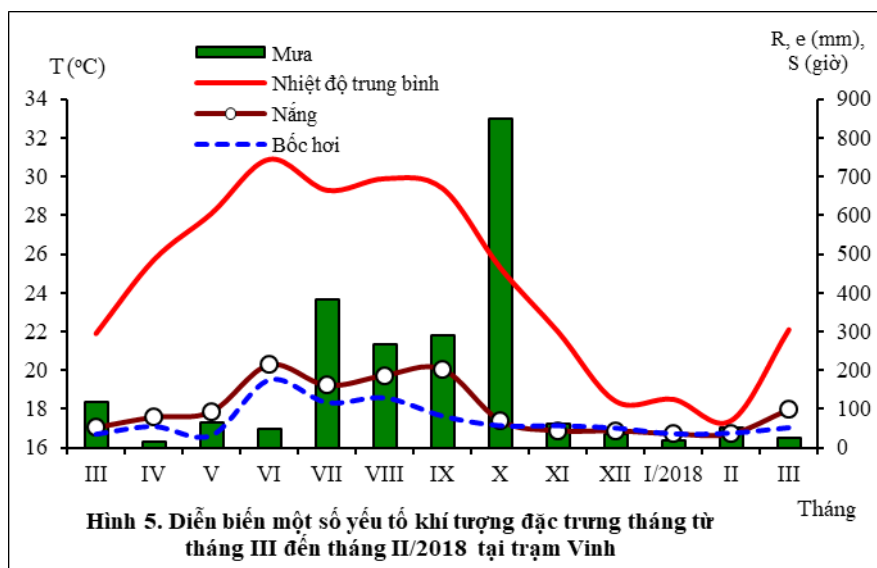
5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,3⁰C đến 2,6⁰C) (hình 10) và có giá trị từ 20,8⁰C đến 23,1⁰C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 23,6⁰C đến 28,47⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,8⁰C xảy ra vào ngày 4/III tại Con Cuông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 19,1⁰C đến 20,3⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 11,0⁰C xảy ra vào ngày 16/III tại Vinh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng II/2018 tại trạm Vinh

- Trong tháng III/2018, phần lớn các khu vực có lượng mưa phổ biến từ 12mm đến 74mm, khu vực Thanh Hóa, Quỳnh Lưu lượng mưa đạt 6mm, tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -34mm đến 23mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 3 đến 43mm, cao nhất là 56mm xảy ra vào ngày 4/III tại Hà Tĩnh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 - 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 15 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 67 đến 151 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -13 giờ đến 68 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 77% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-12% đến -3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 30% xảy ra vào ngày 4/III tại Quỳnh Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 23mm đến 89mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 6mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-32mm đến 45mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 6 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 3 ngày trong đó có từ 1 – 2 ngày có cường độ mạnh.

- Đông xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 5 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

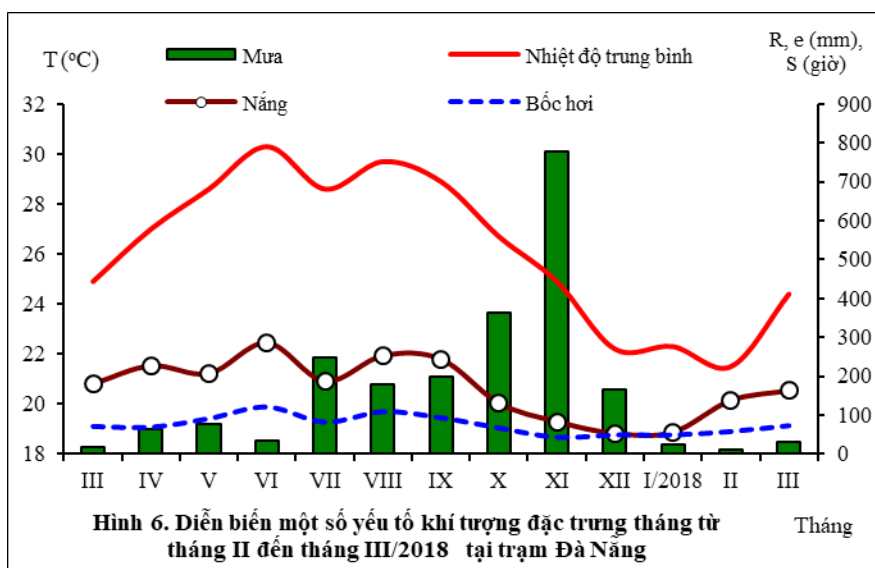
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2018 từ 20,6⁰C đến 24,7⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,4⁰C đến 0,9⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 25,2⁰C đến 29,7⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,6⁰C xảy ra vào ngày 5/III tại Tuyên Hóa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 17,2⁰C đến 22,1⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 12,7⁰C xảy ra vào ngày 10/III tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa trong tháng III/2018 ở hầu hết các khu vực đều xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -26mm đến 47mm. Lượng mưa tháng phổ biến từ 21mm đến 74mm, cao nhất là 84mm tại Trà My.



- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 11 mm đến 50mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 đến 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng III đến tháng III/2018 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 77 giờ đến 186 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-66 giờ đến 58 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 82% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 4%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 39% xảy ra vào ngày 5/III tại Tuyên Hóa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 40mm đến 73mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-40mm đến 43mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 9 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 3 ngày trong đó có 1 ngày có cường độ mạnh.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

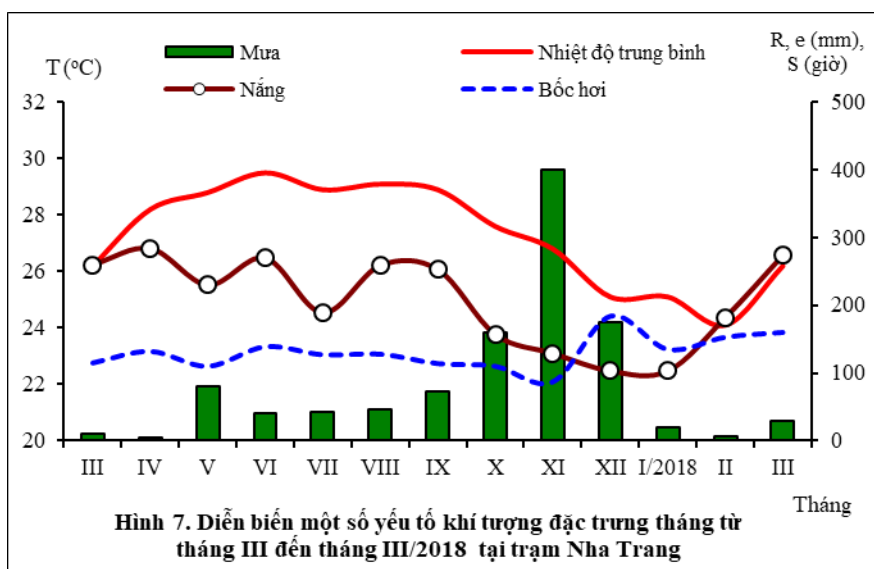
Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2018 từ 24,4⁰C đến 26,9⁰C, ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 28,9⁰C đến 31,6⁰C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 33,5⁰C xảy ra vào ngày 7/III tại Phan Rang và ngày 18/III tại Cam Ranh và Hàm Tân.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 21,3⁰C đến 24,8⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 18,7⁰C, xảy ra vào ngày 13/III tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng III đến tháng III/2018 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng III/2018, ở hầu hết các khu vực lượng mưa đều dưới 10mm, ngoại trừ Nha Trang (22mm) và Phan Rang (17mm). Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2018 tại trạm Nha Trang

22mm đến -10mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng III đến tháng III/2018 tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1mm đến 22mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 1 đến 5 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 2 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 9 đến 20 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2018 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 227 giờ đến 298 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-18 giờ đến 10 giờ);

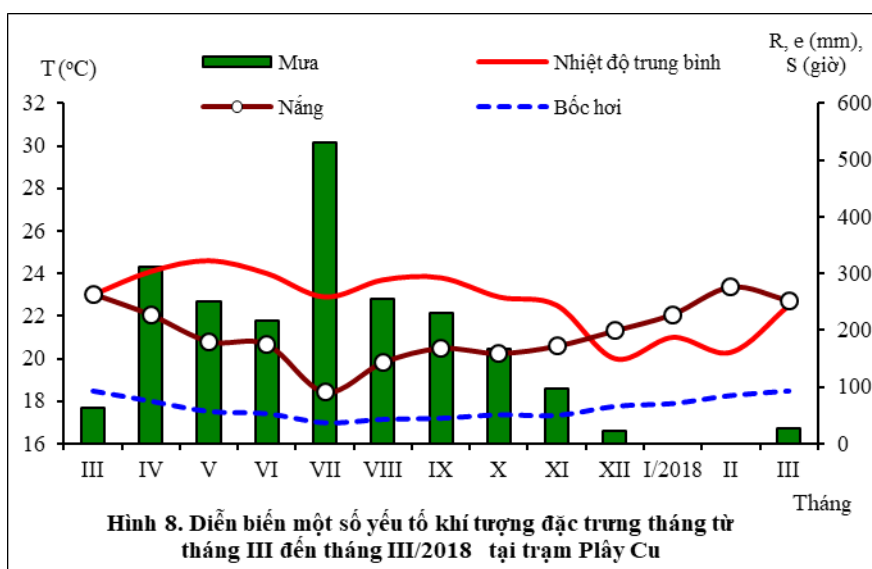
- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 73% đến 82%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -2 đến 7% (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 39% xảy ra vào ngày 7/III tại Phan Rang.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 86mm đến 187mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (87mm đến 134mm).

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2018 từ 18,1⁰C đến 25,9⁰C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -0,6⁰C đến 0,9⁰C (hình 10).



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2018 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 24,8⁰C đến 32,2⁰C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,3⁰C xảy ra vào ngày 5/III tại Kon Tum.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 14,0 đến 22,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 10,4⁰C xảy ra vào ngày 26/III tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng III đến tháng III/2018 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng III/2018 ở khu vực Tây Nguyên có lượng mưa 26 đến 130mm, cao nhất là 231mm tại Bảo Lộc. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 10mm đến 144mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 11mm đến 56mm, cao nhất là 70mm xảy ra vào ngày 15/III tại Ayunpa. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 2 đến 16 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 11 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 16 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng III đến tháng III/2018 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2018 phổ biến từ 217 giờ đến 273 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-38 giờ đến -10 giờ) (hình

12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -2% đến 7% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 65% đến 82%; độ ẩm không khí thấp nhất là 35% xảy ra vào ngày 25/III tại Kon Tum.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 60mm đến 138mm, cao nhất là 160mm tại Kon Tum. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa từ -161mm đến 98mm.

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 13 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện 3 ngày tại Ayunpa với cường độ nhẹ.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

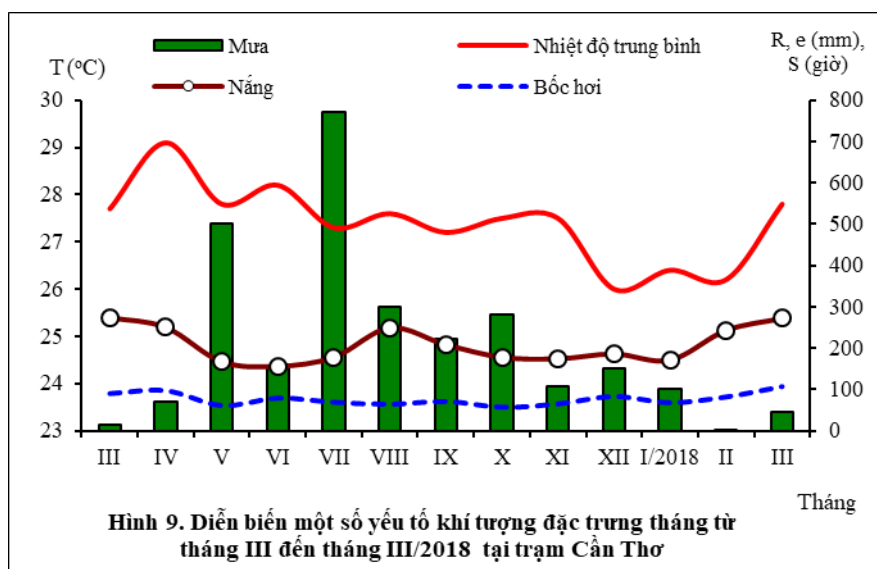
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2018 từ 26,0⁰C đến 29,1⁰C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,3⁰C đến 2,3⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất

trung bình tháng từ 30,3⁰C đến 35,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,0⁰C xảy ra vào ngày 8/III tại Biên Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 21,8⁰C đến 26,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 19,5⁰C xảy ra vào ngày 24/III tại Trị An. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng III đến tháng III/2018 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2018 tại trạm Cần Thơ

- Tổng lượng mưa tháng III/2018 dao động phổ biến từ 16mm đến 73mm. Một số khu vực cả tháng không có mưa như Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng hoặc lượng mưa không đáng kể như Vũng Tàu (2mm), Cà Mau (2mm). Lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-36mm đến 144mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 13mm đến 35mm, cao nhất là 46mm xảy ra vào ngày 22/III tại Rạch Giá.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 1 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 10 đến 31 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 3 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2018 phổ biến từ 225 giờ đến 296 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-51 giờ đến -10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 66% đến 81%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 6% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 31% xảy ra vào ngày 74/III tại Xuân Lộc.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 77mm đến 159mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng (34mm đến 145mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 5 ngày.

- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở khu vực Đông Nam Bộ từ 1 - 15 ngày trong đó có 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh.

III. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2018

Điều kiện khí tượng nông nghiệp tháng III/2018 ở nhiều vùng của nước ta đã có nhiều thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Ở các tỉnh Miền Bắc nền nhiệt khá, nắng nhiều. Lượng mưa và số ngày mưa đã tăng hơn so với tháng trước, các cơn dông, mưa phùn, mưa rào đã bổ sung phần nào lượng nước thiếu hụt kéo dài nhiều tháng qua, bên cạnh đó lượng bốc hơi trong tháng giảm dẫn đến diện tích bị hạn cũng giảm xuống. Đầu tháng các địa phương phía Bắc tập trung

khắc phục hậu quả đợt rét kéo dài, tranh thủ thời tiết nắng ấm đã gieo cấy, trồng lại diện tích lúa, hoa màu đã bị chết rét, đồng thời khẩn trương gieo cấy diện tích còn lại trong khung thời vụ cho phép; cuối tháng, tiếp tục gieo trồng các loại rau màu còn thời vụ và chăm sóc lúa đang thời kỳ đẻ nhánh. Tuy nhiên, điều kiện thời tiết ẩm, ẩm, số ngày mưa phùn nhiều cũng là điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh phát triển

Ở Miền Nam đang trong thời kỳ mùa khô nên một số địa phương vẫn trong tình trạng thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, trong tháng đã xuất hiện rải rác các cơn mưa trái mùa ở một số nơi tạo điều kiện thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển. Trong tháng các địa phương phía Nam chủ yếu thu hoạch lúa đông xuân; một số tỉnh bắt đầu xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu

Sản xuất nông nghiệp tháng III tập trung chủ yếu vào việc gieo cấy vụ đông. Đến cuối tháng III, cả nước đã gieo cấy được 2860,2 nghìn ha lúa Đông xuân, tăng 0,4% so cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo cấy lúa Đông xuân các tỉnh phía Bắc đạt 907,1 nghìn ha, bằng 97,3% cùng kỳ, đạt 80,3% kế hoạch đề ra. Các tỉnh phía Nam đã cơ bản kết thúc xuống giống lúa Đông xuân, tổng diện tích đạt 1953 nghìn ha, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước, bằng 101,3% kế hoạch.

Tháng chuyển tiếp từ mùa lạnh sang mùa nóng, hay từ mùa mưa ít sang mùa mưa nhiều, nên diễn biến của thời tiết khá hà khắc do các hệ thống thời tiết mùa đông và mùa hạ tranh chấp nhau ảnh hưởng, Hệ quả là có mưa rào và dông nhiều nơi khi không khí lạnh tràn xuống. Các vùng cao và núi cao loại hình thời tiết nguy hiểm như lốc xoáy, gió giật mạnh, mưa đá trong cơn dông xảy ra:

Đêm 3 ngày 4/3 tại nhiều tỉnh thành Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ bất ngờ xuất hiện mưa đá, lốc xoáy gây nhiều thiệt hại về tài sản, hoa màu của nhân dân: huyện Si Ma Cai (Lào Cai), Đông Văn, Yên Minh (Hà Giang); huyện Phong Điền (Thừa Thiên Huế); huyện Nông Sơn (Quảng Nam)

- Mưa đá, lốc xoáy xảy ra vào chiều 5/III tại thành phố Kon Tum đã gây thiệt hại nhiều về sản xuất hoa màu.

- Trận mưa đá và dông lốc ngày 18/III tại Bắc Cạn khiến 10ha diện tích hoa màu, lúa xuân bị đổ dạt, ngập úng

- Ngày 19/III tại huyện Quan Hóa, Lốc xoáy kèm theo mưa đá đã khiến nhiều diện tích hoa màu, cây lâm sản bị đổ gãy.

- Ngày 19/III Trận mưa đá, kèm giông lốc xảy trên địa bàn huyện Hà Quảng, Bảo Lạc, TP. Cao Bằng đã gây thiệt hại lớn về tài sản, hoa màu của nhân dân

1. Đối với cây lúa

* **Lúa Đông xuân:** Tính cuối tháng III/2018, cả nước đã gieo cấy được 3.065,5 nghìn ha, bằng 101% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 1.097,4 nghìn ha, bằng 98,8%; các địa phương phía Nam gieo cấy 1.968,1 nghìn ha, bằng 102,2%.

Các tỉnh miền Bắc:

Tiến độ gieo trồng lúa Đông xuân cơ bản đã hoàn thành. Lúa đông xuân trên các vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ phần lớn diện tích đang trong thời kỳ đẻ nhánh, trà xuân sớm đã chuyển sang thời kỳ đứng cái. Nhìn chung, do được cảnh báo về tình trạng hạn hán có thể kéo dài nên công tác thủy lợi ở phần lớn các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ đã được chuẩn bị tốt, lúa đông xuân trên các địa bàn có đủ nước tưới dưỡng, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá. Các tỉnh thuộc địa bàn miền núi do ảnh hưởng của rét đậm rét hại đầu vụ, nên tiếp tục hoàn thành tiến độ gieo cấy lúa đông xuân trong khung thời vụ cho phép

Các tỉnh miền Nam:

Tình trạng khô hạn Nam Trung Bộ và Nam Bộ vẫn chưa được cải thiện, nhiều khu vực cả tháng không có mưa: Xuân Lộc, Sóc Trăng, Cà Mau Long, Châu Đốc, Bạc Liêu hoặc lượng mưa không đáng kể như Cà Mau (2mm), Vũng Tàu (2mm), Quy Nhơn (2mm), Tuy Hòa (5mm), Phan Thiết (1mm), Hàm Tân (7mm)... trong khi đó lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 60mm đến 160mm cộng thêm gió chướng thổi mạnh gây thiếu nước nghiêm trọng làm nhiều vùng đang phải đối mặt với tình trạng hạn hán, các vùng ven biển ở đồng bằng sông Cửu Long như Tiền Giang, Kiên Giang, Bến Tre... nước mặn tràn vào đe dọa sản xuất nông nghiệp và nguồn nước sinh hoạt của người dân gặp nhiều khó khăn

Khu vực Tây Nguyên lượng mưa và số ngày mưa trong tháng III đã tăng lên rất nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển, tạo thêm nguồn nước dự trữ cho các công trình thủy lợi, giảm nguy cơ cháy rừng, giúp cho hàng trăm ngàn ha cây trồng trong vụ đông xuân năm nay tránh được tình trạng khô hạn

Diện tích gieo trồng lúa Đông xuân 2018 tăng nhẹ so với cùng kỳ năm

trước. Đến cuối tháng, phần lớn diện tích lúa đang trong giai đoạn làm đòng, trổ và chín. Trong đó, có 680 nghìn ha đã cho thu hoạch, chiếm 34,5% diện tích xuống giống và bằng 67,6% so cùng kỳ. Tiến độ thu hoạch giảm là do mùa lũ cuối năm 2017 nước rút chậm, kết hợp mưa nhiều và triều cường làm cho vụ Đông xuân 2018 xuống giống kéo dài và chậm lịch thời vụ. Ước tính toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long gieo cấy được 1.573 nghìn ha, tương đương cùng kỳ năm ngoái; năng suất ước đạt 65,2 tạ/ha, tăng 2,7 tạ/ha, tăng 4,3%; sản lượng ước đạt gần 10,3 triệu tấn, tăng 388,8 nghìn tấn, tương đương tăng 3,9%.

*** Lúa mùa ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long:**

Cho đến cuối tháng, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã hoàn tất công tác thu hoạch lúa Mùa 2018. Theo số liệu điều tra, diện tích toàn vùng đạt 197,3 nghìn ha, năng suất đạt 46,1 tạ/ha, sản lượng đạt 909,6 nghìn tấn. So với vụ Mùa năm 2017, diện tích lúa mùa tăng 9,3 nghìn ha, năng suất tăng 7,4 tạ/ha, sản lượng tăng 182,8 nghìn tấn. Diện tích lúa Mùa 2018 tăng chủ yếu ở Kiên Giang 11,2 nghìn ha do không bị ảnh hưởng bởi nhiễm mặn như những năm trước và ở Cà Mau tăng 5,8 nghìn ha trên diện tích gieo trồng lúa tôm do trồng lúa trên đất nuôi tôm giúp cải thiện môi trường nước, cân bằng hệ sinh thái, hạn chế dịch bệnh và giảm rủi ro cho tôm nuôi. Năng suất lúa Mùa tăng do thời tiết năm nay có mưa nhiều, nguồn nước trên thượng nguồn đổ về sớm hơn mọi năm, nên việc làm đất rửa mặn gặp nhiều thuận lợi, đảm bảo nguồn nước không bị ảnh hưởng đến sản xuất.

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Cùng với việc gieo cấy lúa Đông xuân, tính cuối tháng III, cả nước đã gieo trồng được 349,1 nghìn ha ngô, bằng 96,6% cùng kỳ năm trước; 63,4 nghìn ha khoai lang, bằng 97%; 28 nghìn ha đỗ tương, bằng 88,4%; 126,1 nghìn ha lạc, bằng 101,2%; 464,2 nghìn ha rau đậu, bằng 96,4%. Như vậy, diện tích gieo trồng rau đậu các loại thấp hơn cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tiến độ gieo trồng ngô, đậu tương và rau, đậu giảm chủ yếu ở vụ Đông là do ảnh hưởng của cơn bão số 10 từ ngày 14 - 16/9/2017, tiếp đến là ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới từ 09 - 12/10 gây ra mưa lớn, lũ lụt trên diện rộng ở hầu hết các tỉnh Bắc Bộ làm nhiều diện tích mới trồng bị thiệt hại, có diện tích phải gieo trồng lại từ đầu; hoặc có những cây như cây đậu tương, đợi khi thời tiết ổn định, đất ráo thì không thể gieo trồng do quá thời vụ.

Theo Tổng cục Thống kê, quý I năm 2018, sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm đã thu hoạch. Sản lượng chè búp ước đạt 42,2 nghìn tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng hồ tiêu ước đạt 76,3 nghìn tấn, tăng 9,8%; sản lượng cao su mũ khô ước đạt 114,6 nghìn tấn, tăng 1,8%; sản lượng điều ước đạt 201 nghìn tấn tăng 30%. Sản lượng điều tăng trưởng cao là do năm 2017 điều mất mùa do mưa trái vụ đầu mùa. Sản lượng một số loại cây ăn quả tăng khá, trong đó: xoài ước đạt 194,8 nghìn tấn, tăng 6,9%; chuối ước đạt 561,1 nghìn tấn, tăng 1,9%; dứa ước đạt 145,1 nghìn tấn, giảm 0,1%; cam, quýt ước đạt 284 nghìn tấn, tăng 4% .

Chè lớn búp hái ở Ba Vì và Mộc Châu, trạng thái sinh trưởng trung bình đến khá; độ ẩm đất trung bình. Chè lớn lá thật thứ nhất ở Phú Hộ, trạng thái sinh trưởng trung bình, đất ẩm

Đậu tương ở Hoài Đức đang trong giai đoạn mọc mầm, trạng thái sinh trưởng kém do quá khô.

Miền Trung lạc đang trong giai đoạn nở hoa, trạng thái sinh trưởng trung bình; đậu tương trong giai đoạn ra quả, nở hoa, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Cà phê ở Tây Nguyên đang nở hoa, sinh trưởng tốt trên đất ẩm. Cà phê ở Xuân Lộc trong giai đoạn hình thành quả, trạng thái sinh trưởng trung bình, đất quá ẩm.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng III/2018

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn búp hái	Khá	TB	
2		Điện Biên	Lúa đông xuân mọc dón	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa đông xuân đẻ nhánh	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa đông xuân đẻ nhánh	TB	Ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa đông xuân đẻ nhánh	Khá	3cm	
6		Lạng Sơn	Ngô mọc mầm	TB	TB	
7			Lúa đông xuân mọc mầm	TB	Quá ẩm	

8		Bắc Giang	Lúa đông xuân đẻ nhánh	Khá	3cm	
9	Trung du	Phú Hộ	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	Âm	
10	Bắc Bộ	Ba Vì	Chè lớn búp hái	TB	TB	
11	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa đông xuân đẻ nhánh	TB	3cm	
13		Hoài Đức	Lạc lá thật thứ 3	TB	Âm	
15			Lúa đông xuân bén rễ hồi xanh	TB	3cm	
16			Đậu tương mọc mầm	Kém	TĐ khô	
17		Hải Dương	Lúa đông xuân đẻ nhánh	Khá	4cm	
18		Hung Yên	Lúa đông xuân bén rễ hồi xanh	Khá	Âm	
19		Nam Định	Lúa đông xuân đẻ nhánh	Khá	4cm	
20		Ninh Bình	Lúa đông xuân đẻ nhánh	TB	3cm	
21	Thái Bình	Lúa đông xuân đẻ nhánh	Khá	3cm		
22	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc nở hoa	TB	TB	
23			Đậu tương ra quả, nở hoa	TB	TB	
24		Thanh Hoá	Lúa đông xuân đẻ nhánh	TB	3cm	
25		Quỳnh Lưu	Lúa đông xuân đẻ nhánh	TB	4cm	
26		Đô Lương	Lúa đông xuân đẻ nhánh	TB	3cm	
27	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa đông xuân mọc đống	TB	3cm	
28	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa đông xuân chín hoàn toàn	Khá	3cm	
29		An Nhơn	Lúa đông xuân chín hoàn toàn	Khá	3cm	
30	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê nở hoa	Tốt	Âm	
31	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Quá ảm	
32		Trà Nóc	Lúa đông xuân thu hoạch			
33		Mỹ Tho	Lúa đông xuân ngâm sữa	TB	3cm	

34	Bạc Liêu	Chuyên vụ			
----	----------	-----------	--	--	--

3. Tình hình sâu bệnh

Theo số liệu của Cục Bảo vệ thực vật, diện tích lúa bị nhiễm dịch hại như sau:

- *Rầy hại lúa*: Diện tích nhiễm 25.458 ha, nhiễm nặng 1.264 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh VL, LXL*: Diện tích nhiễm 2.553,6 ha, nhiễm nặng 1.703,5 ha. Phân bố tại các tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang, Bạc Liêu và Kiên Giang.

- *Bệnh đạo ôn*:

+ *Bệnh đạo ôn hại lá*: Diện tích nhiễm 12.177 ha, nhiễm nặng 134 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

+ *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Diện tích nhiễm 5.160 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Diện tích nhiễm 2.417 ha, nhiễm nặng 03 ha, phòng trừ 1.067 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- *Sâu năn* (muỗi hành): Diện tích nhiễm 30.790 ha, nhiễm nặng 18.566 ha. Xuất hiện gây hại tại Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang và Sóc Trăng.

- *Bệnh bạc lá*: Diện tích nhiễm 12.814 ha, nặng 08 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, Đồng Tháp, Khánh Hòa, Bình Thuận...

- *Bệnh đen lép hạt*: Diện tích nhiễm 8.843 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- *Chuột*: Diện tích hại 6.071 ha, hại nặng 119 ha, phòng trừ 4.813 ha. Phân bố hầu hết các tỉnh trong cả nước.

- *Ốc bươu vàng*: Diện tích hại 29.255 ha, hại nặng 1.790 ha, phòng trừ 40.503 ha. Phân bố hầu hết các tỉnh trong cả nước

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IV-VI NĂM 2018

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ 3 tháng IV-VI năm 2018 có khả năng thấp hơn đến xấp xỉ TBNN trên đa phần diện tích cả nước; từ xấp xỉ cao hơn TBNN xảy ra chủ yếu ở Bắc Bộ, với xác suất 55 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo dao động từ -1,5 đến 1,5°C

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa tháng IV - VI năm 2018 có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên đa phần diện tích cả nước, với xác suất 55 đến 77%, với xác suất từ 44 đến 66%. Chuẩn sai lượng mưa mùa phổ biến từ -200 đến 200mm.

3.3. Hiện tượng cực đoan

Không khí lạnh: Số XTNĐ trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng III và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng IV/2018 và dự báo khí hậu 3 tháng IV, V, VI/2018 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tăng cường các biện pháp phòng trừ bệnh đạo ôn, rầy nâu, sâu cuốn lá trên lúa xuân và các loại sâu bệnh trên rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày;
- Tăng cường chăm sóc đảm bảo cho lúa đẻ nhánh, mọc dón, làm đòng thuận lợi và các cây trồng khác phát triển thuận lợi;
- Tích cực thực hiện các biện pháp chống hạn bảo đảm đủ nước tưới dưỡng cho lúa đòng xuân trở bông vào cuối tháng IV đầu tháng V.
- Đề phòng mưa đá, lốc xoáy

2. Miền Trung:

- Tập trung chăm sóc lúa mới trồng và các loại cây rau màu;
- Tăng cường các biện pháp phòng, chống hạn.
- Đề phòng mưa đá, lốc xoáy

3. Miền Nam

- Tăng cường các biện pháp chống hạn, chống xâm nhập mặn;
- Chăm sóc lúa mùa và lúa xuân đợt muộn đang trong giai đoạn chắc xanh, đảm bảo cho thu hoạch đạt năng suất cao;

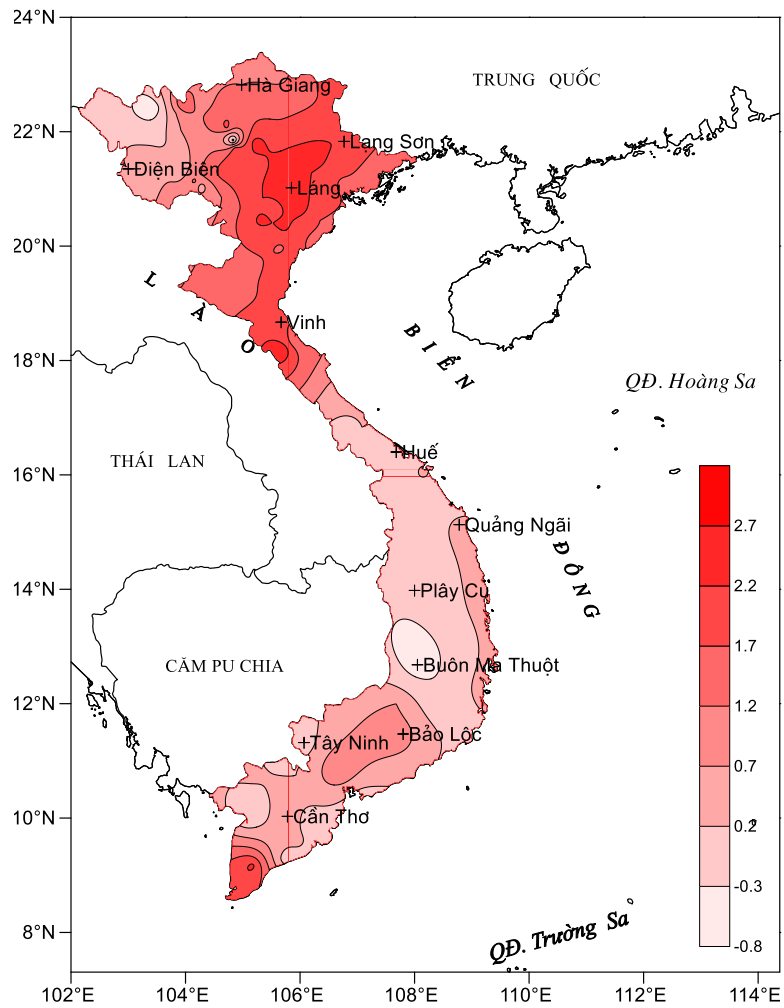
- Tích cực phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt cần có các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn dịch rầy nâu, bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá, bệnh đạo ôn trên lúa và các loại sâu bệnh trên các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

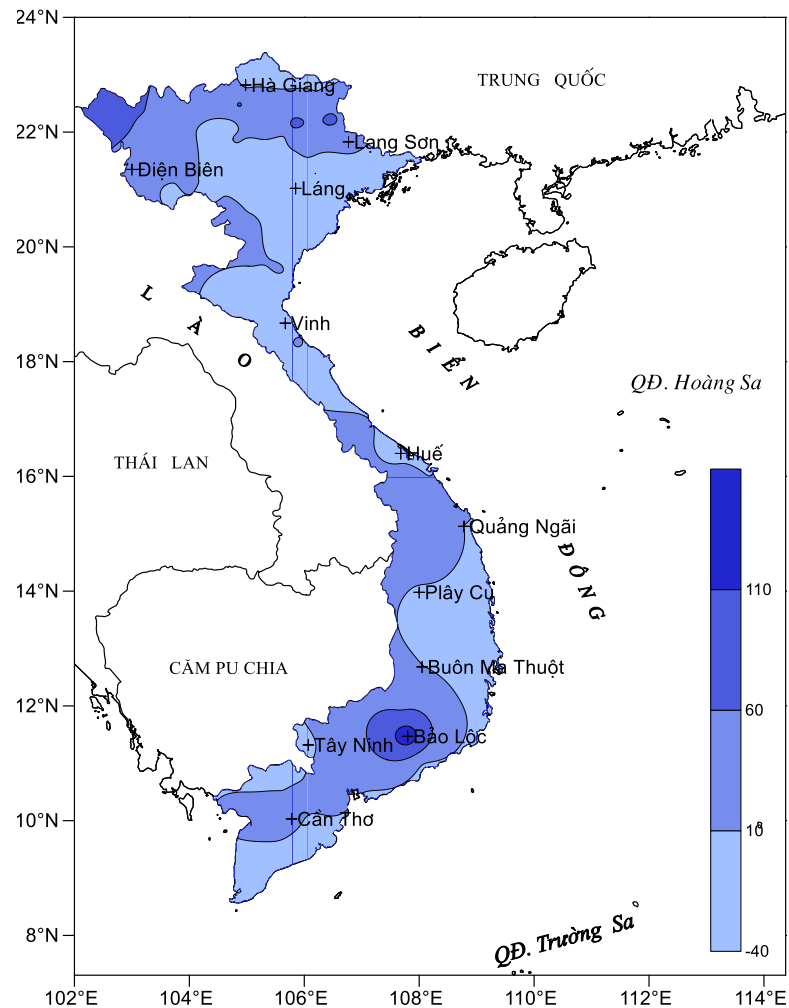
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng IV, V, VI năm 2018;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng IV năm 2018 các khu vực trên phạm vi cả nước;

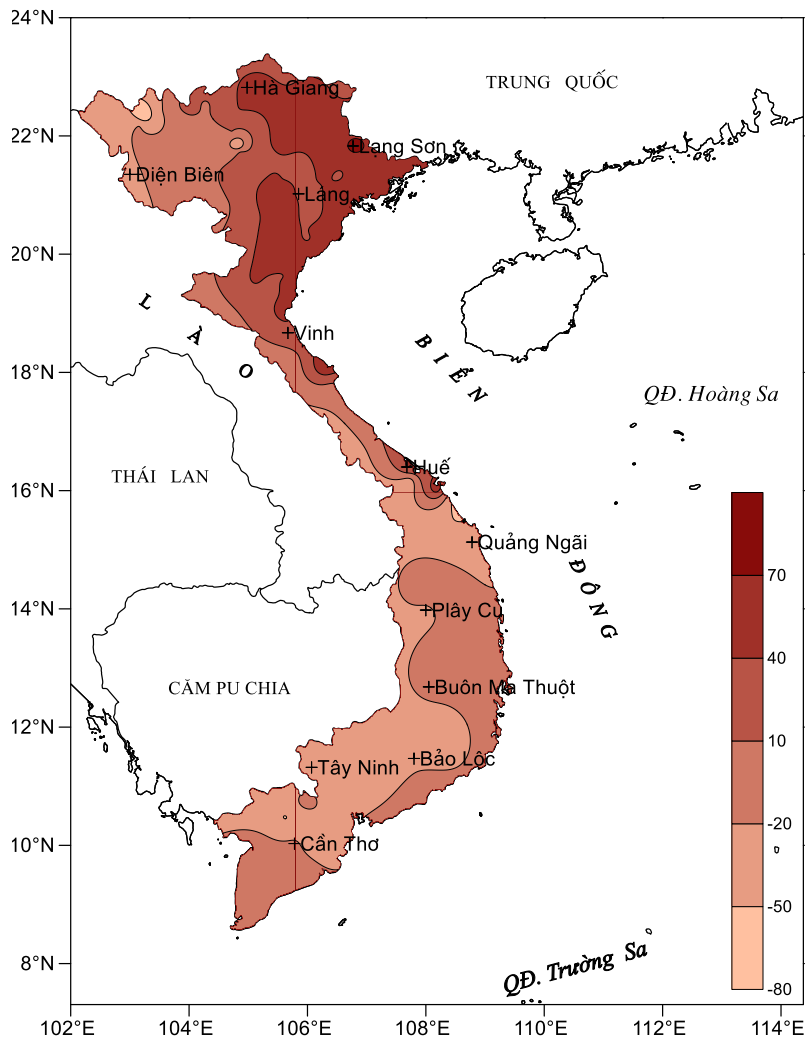
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng III năm 2018 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



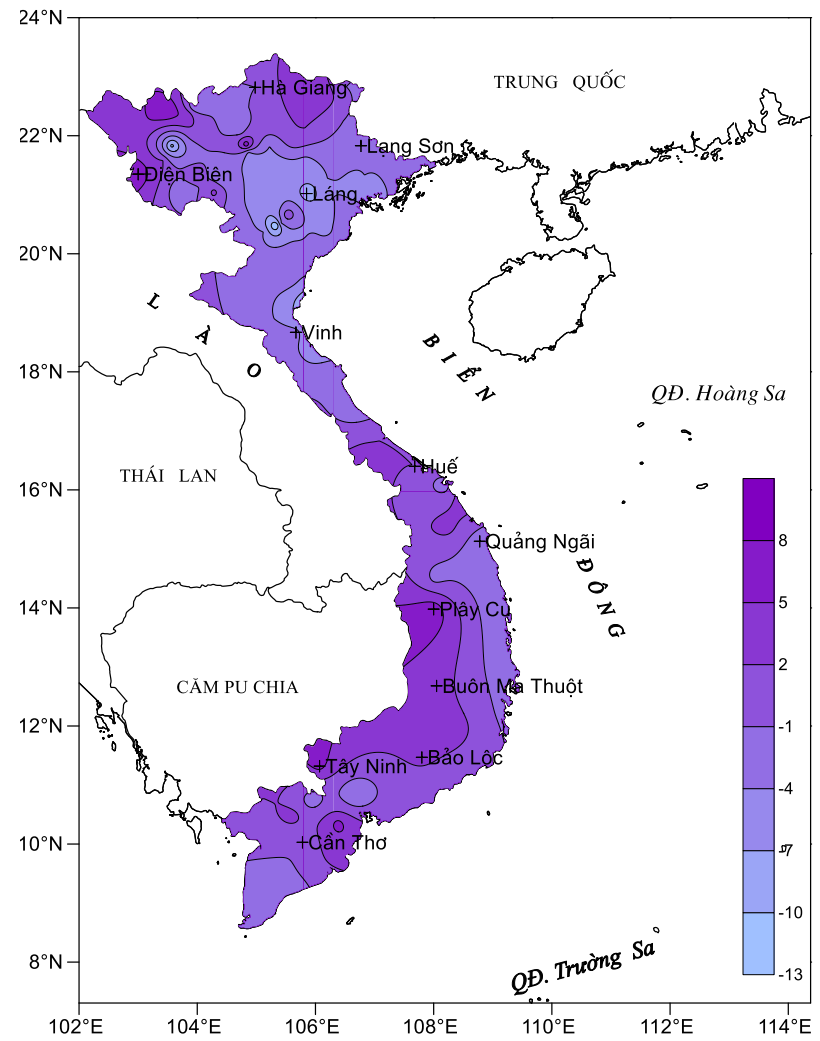
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng III/2018 so với TBNN (°C)



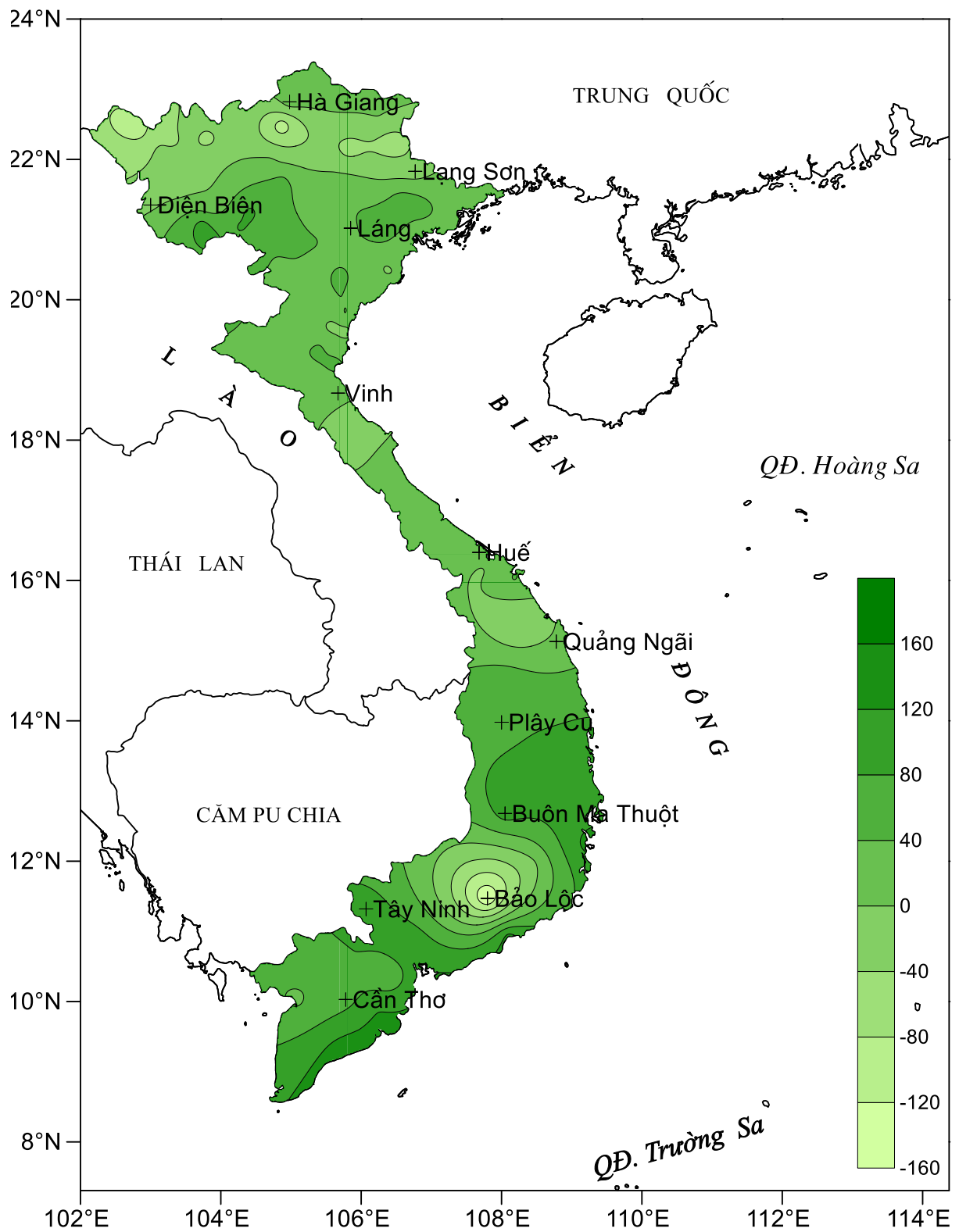
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng III/2018 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng III/2018 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng III/2018 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng III/2018 (mm)